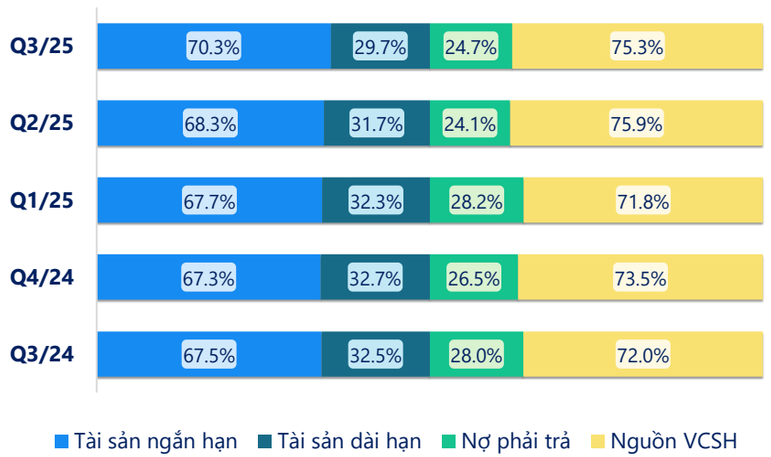
FireAnt

CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

Thông tin giao dịch	30/09/2025
Giá hiện tại (VNĐ)	55,700
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	71,609
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	42,279
SL cổ phiếu LH	224,453,159
KLGD BQ 20 phiên (CP)	2,005,110
% sở hữu nước ngoài	19.6%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	12,502
P/E	8.0
EPS	6,978

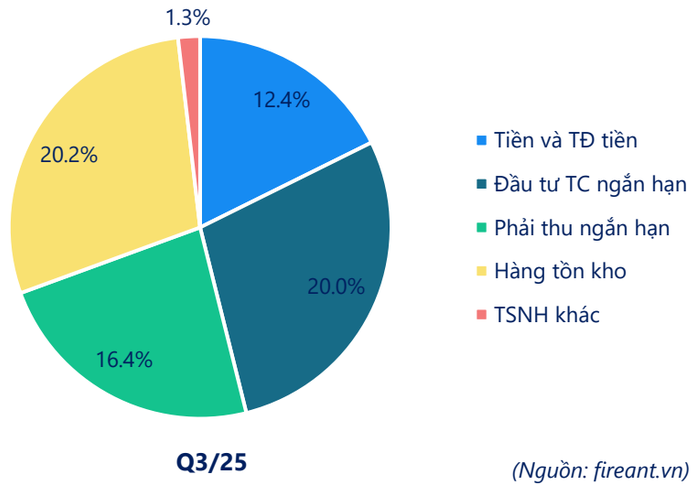
	YTD	1T	3T	6T
VHC	-18.9%	0.1%	0.4%	-8.2%
VNINDEX	30.9%	-1.2%	20.2%	26.1%

Cơ cấu Tổng tài sản



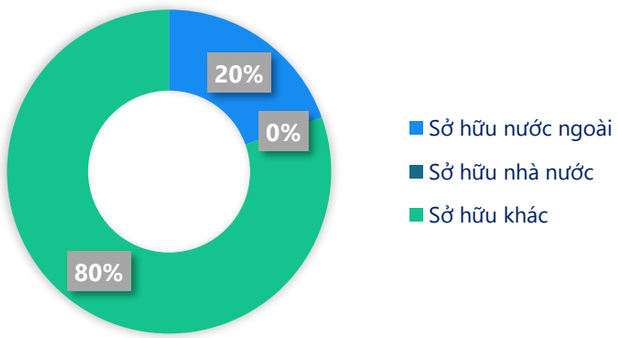
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



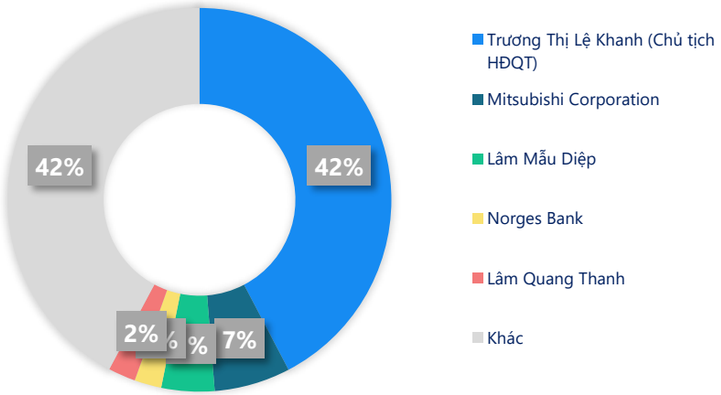
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu sở hữu



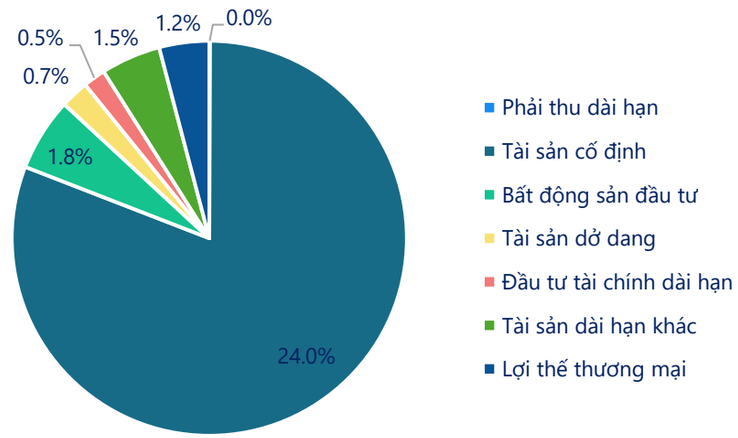
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu cổ đông



(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS

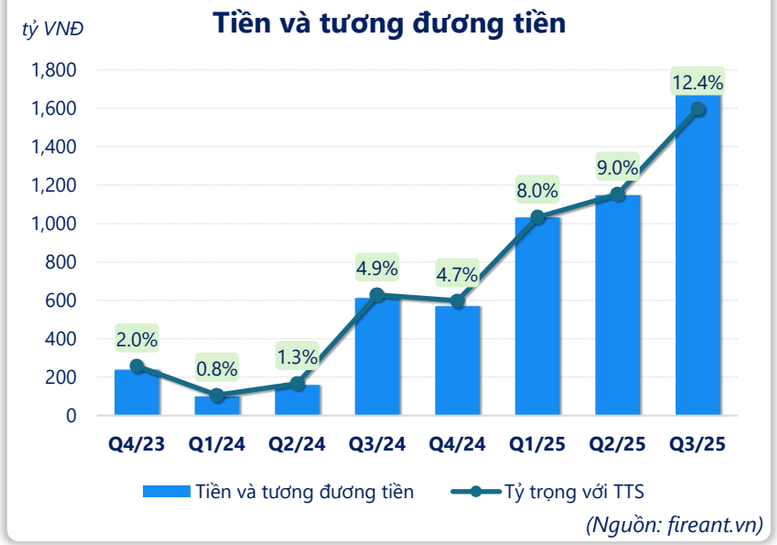


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

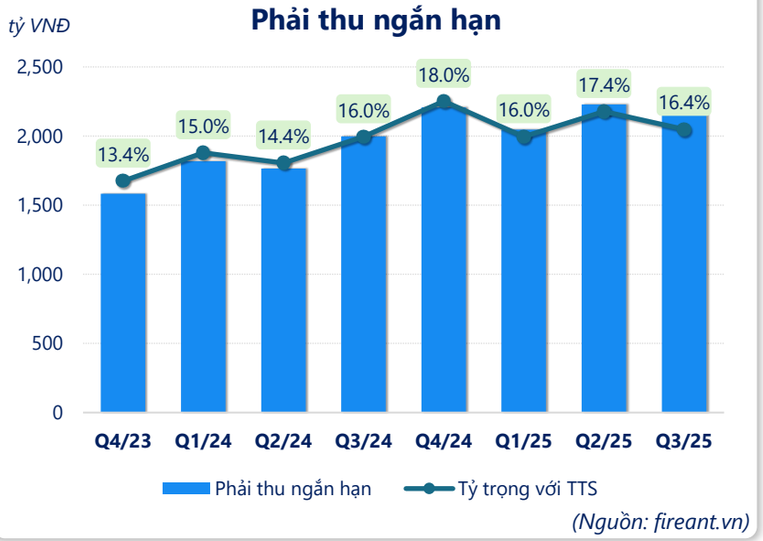
CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

Tiền và tương đương tiền



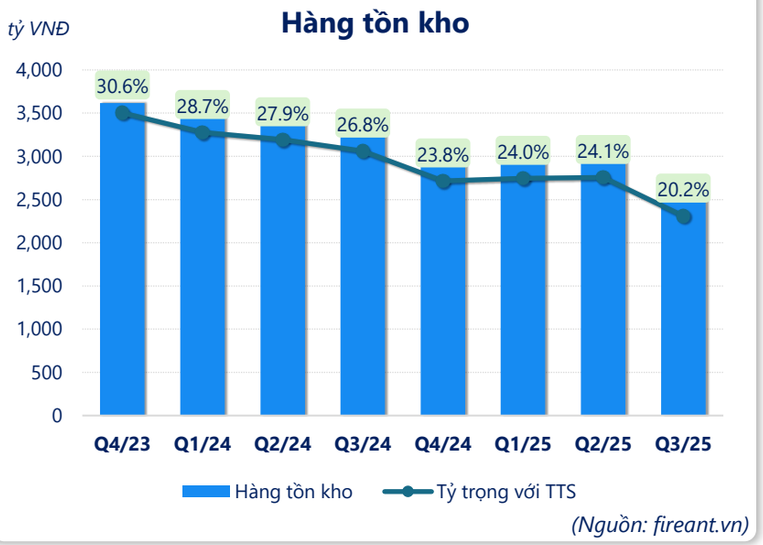
(Nguồn: fireant.vn)

Phải thu ngắn hạn



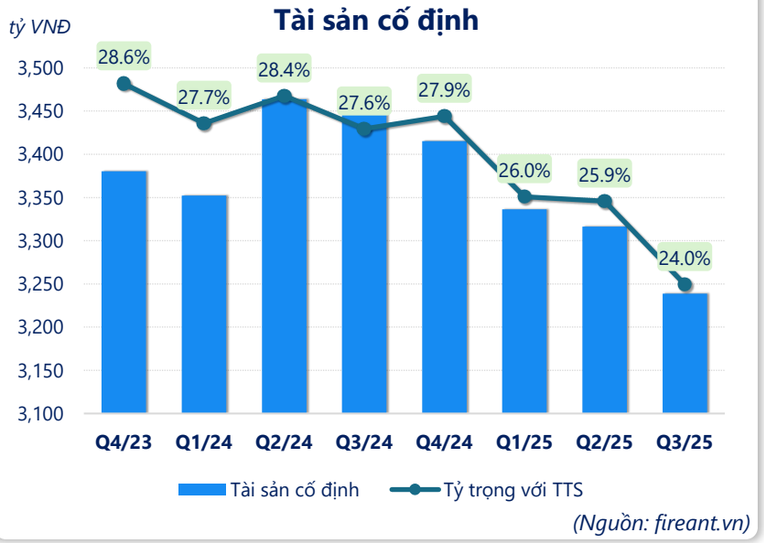
(Nguồn: fireant.vn)

Hàng tồn kho



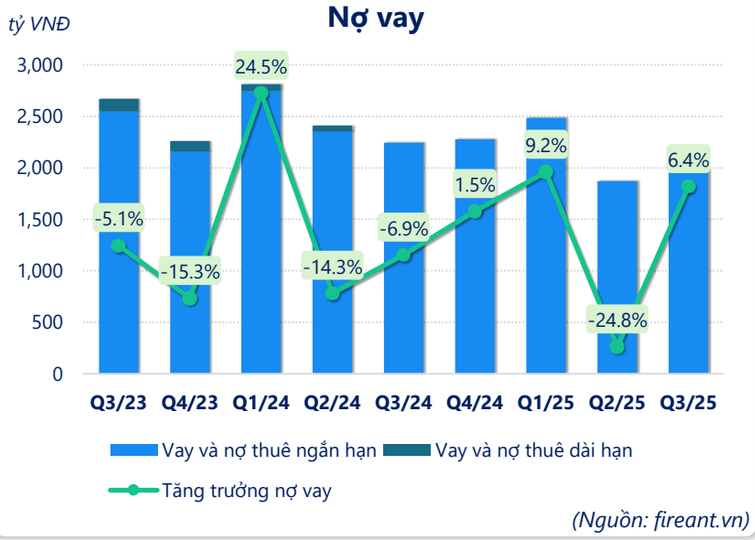
(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định



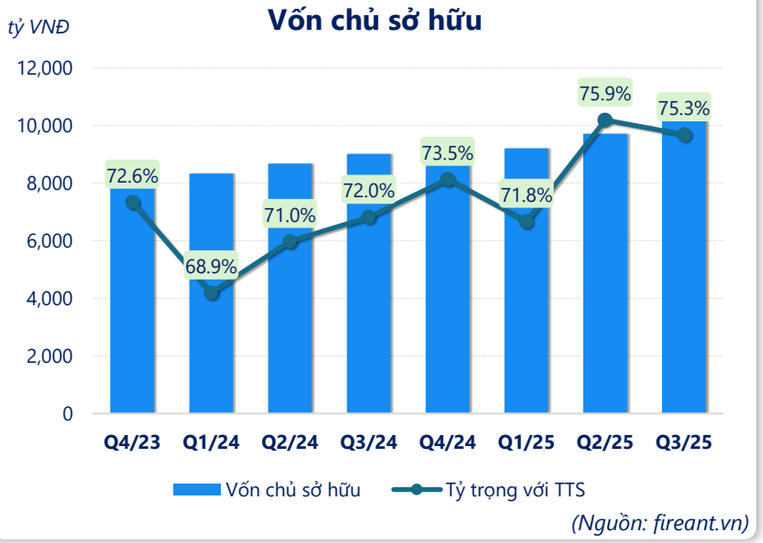
(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

Vốn chủ sở hữu

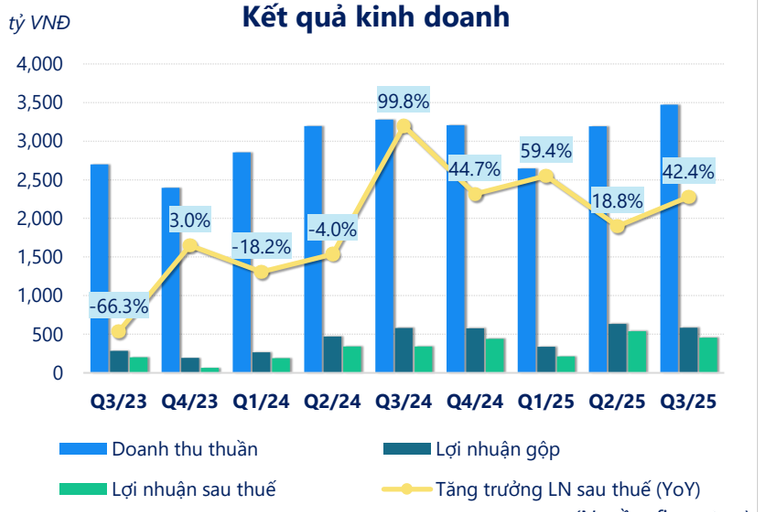


(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

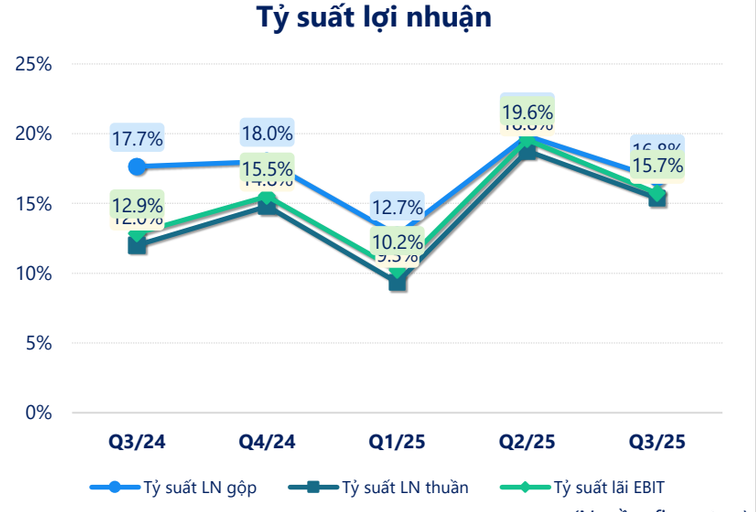
CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

Kết quả kinh doanh



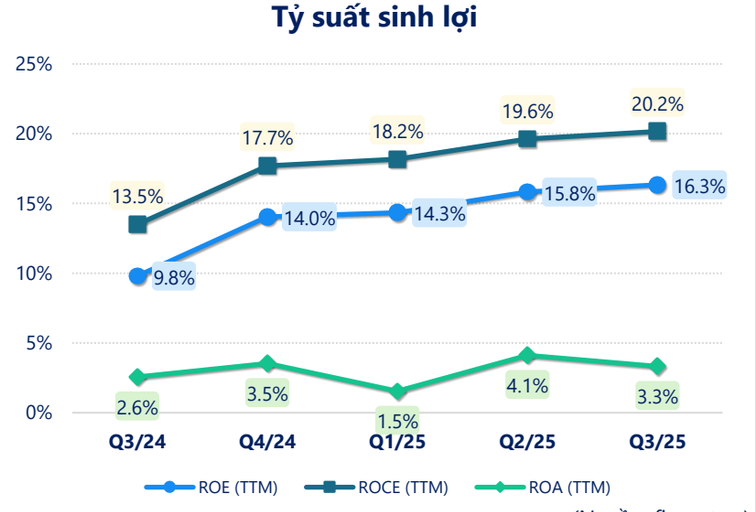
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất lợi nhuận



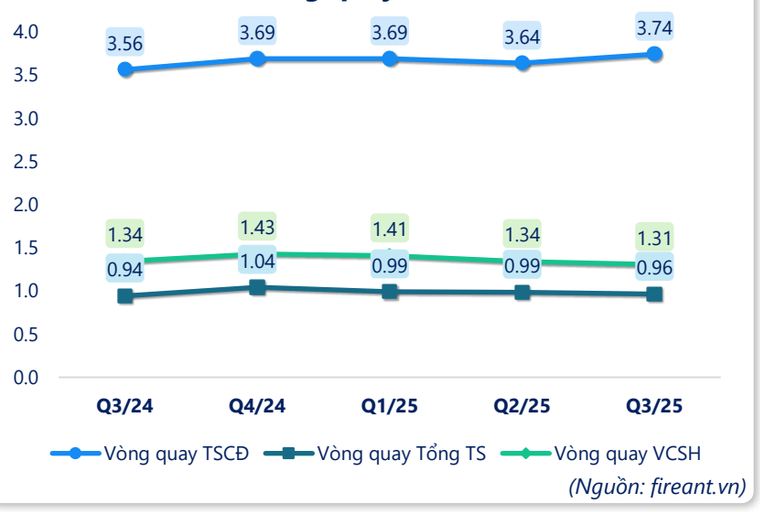
(Nguồn: fireant.vn)

Tỷ suất sinh lợi



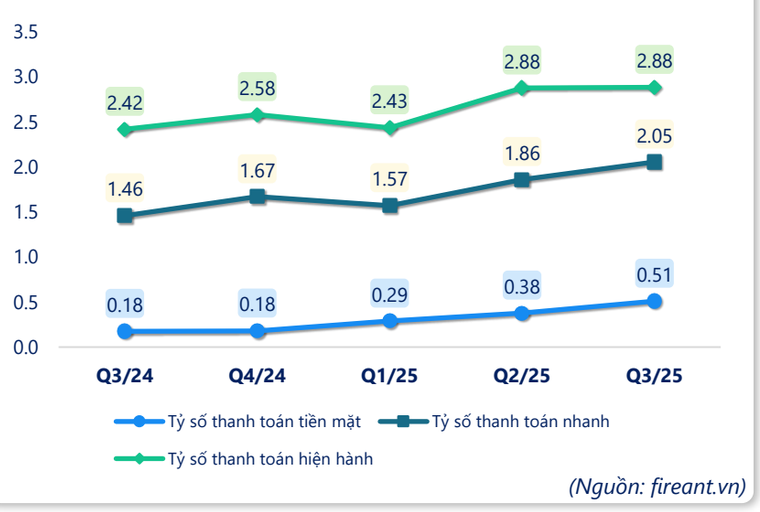
(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản



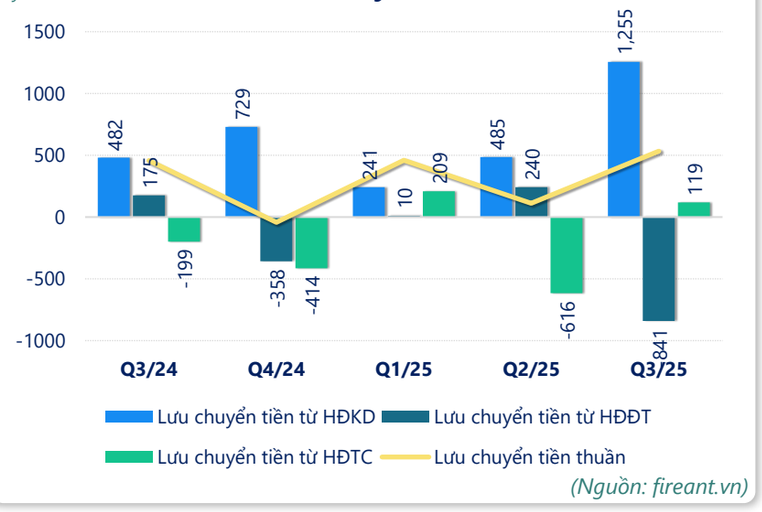
(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản



(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền



(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic

CTCP Vĩnh Hoàn (HSX: VHC)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN *(tỷ VNĐ)*	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	**13,502**	**12,234**	**10.4%**
Tài sản ngắn hạn	9,495	8,238	15.3%
Tiền và tương đương tiền	1,678	570	194%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	2,700	2,340	15.4%
Phải thu ngắn hạn	2,213	2,201	0.6%
Hàng tồn kho	2,728	2,915	-6.4%
Tài sản ngắn hạn khác	175	213	-17.5%
Tài sản dài hạn	**4,007**	**3,996**	**0.3%**
Phải thu dài hạn	2.55	1.55	64.5%
Tài sản cố định	3,239	3,415	-5.2%
Bất động sản đầu tư	239	0	
Tài sản dở dang	92.8	109	-15.2%
Đầu tư tài chính dài hạn	73.1	69.5	5.3%
Tài sản dài hạn khác	**196**	**210**	**-6.5%**
Lợi thế thương mại	164	190	-13.8%
Nợ phải trả	3,336	3,241	3.0%
Nợ ngắn hạn	**3,294**	**3,184**	**3.4%**
Vay và nợ thuê ngắn hạn	1,989	2,277	-12.6%
Phải trả người bán ngắn hạn	357	278	28.6%
Nợ dài hạn	42.7	56.9	-24.9%
Vay và nợ thuê dài hạn	0	0	
Nguồn vốn chủ sở hữu	**10,166**	**8,994**	**13.0%**
Vốn chủ sở hữu	**10,166**	**8,994**	**13.0%**
Vốn điều lệ	2,245	2,245	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	**0**	**0**	

(Nguồn: fireant.vn)

KẾT QUẢ KINH DOANH *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Doanh thu thuần	3,278	3,206	2,648	3,192	3,471
Giá vốn hàng bán	2,699	2,628	2,311	2,559	2,887
Lợi nhuận gộp	579	578	337	633	584
Doanh thu HĐTC	56.3	148	89.7	112	116
Chi phí TC	80.9	49.8	57.1	4.51	22.0
Chi phí lãi vay	20.6	17.0	17.2	14.1	10.9
LN trong công ty LKLD	0.70	0.56	0.53	1.58	1.55
Chi phí bán hàng	89.8	64.1	52.5	62.4	70.6
Chi phí QLDN	71.1	138	70.5	81.3	75.7
LN thuần từ HĐKD	394	474	247	599	533
Lợi nhuận khác	7.78	6.10	6.77	11.4	1.47
LN trước thuế	402	481	254	610	535
Lợi nhuận sau thuế	341	441	211	539	455
LNST của CĐ cty mẹ	321	425	193	515	433

(Nguồn: fireant.vn)

LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ *(tỷ VNĐ)*	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	482	729	241	485	1,255
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	175	-358	10.2	240	-841
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	-199	-414	209	-616	119
Tiền đầu kỳ	159	612	570	1,031	1,148
Lưu chuyển tiền thuần	**457**	**-42.9**	**460**	**110**	**533**
Ảnh hưởng tỷ giá	-3.95	1.11	0.66	6.57	-2.34
Tiền cuối kỳ	612	570	1,031	1,148	1,678

(Nguồn: fireant.vn)

Powered by Infographic